

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1953 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 10 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách các địa phương để đảm bảo cơ sở, vật chất phục vụ sắp xếp, tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12 tháng 4 năm 2025 của Ban Chấp hành Trung ương về Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII;

Căn cứ Nghị quyết số 160/2024/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 196/2025/QH15 ngày 17 tháng 05 năm 2025 của Quốc hội về điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 256/NQ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ về kinh phí đảm bảo cơ sở, vật chất cho các cơ quan, tổ chức đơn vị của Nhà nước khi thực hiện sắp xếp, tinh gọn bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp;

Trên cơ sở đề nghị của Bộ Tài chính tại văn bản số 13644/BTC-NSNN ngày 03 tháng 9 năm 2025 về việc bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương kinh phí đảm bảo cơ sở, vật chất cho các cơ quan, tổ chức đơn vị của Nhà nước khi thực hiện sắp xếp, tinh gọn bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ số tiền 3.119 tỷ đồng (ba nghìn một trăm mười chín tỷ đồng) từ nguồn nguồn dự toán chi thường xuyên NSTW năm 2024 chưa phân bổ còn lại được chuyển nguồn sang năm 2025 theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 196/2025/QH15 ngày 17 tháng 05 năm 2025 của Quốc hội để bổ sung có mục tiêu cho 27 địa phương để đảm bảo cơ sở, vật chất phục vụ sắp xếp, tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, như đề nghị của Bộ Tài chính tại văn bản nêu trên (*chi tiết theo Phụ lục đính kèm*).

Điều 2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố nêu tại Điều 1 chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng, thanh quyết toán số kinh phí được bổ sung theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật khác có liên quan; tổ chức triển khai kịp thời, hiệu quả, đúng mục đích, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức, thực hiện tiết kiệm, không để xảy ra thất thoát, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm.

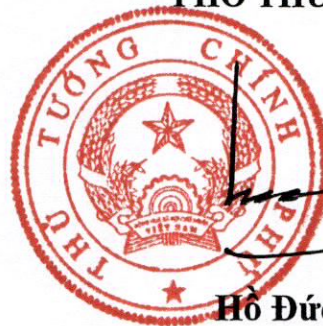
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Bộ trưởng Bộ Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố quy định tại Điều 1 và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

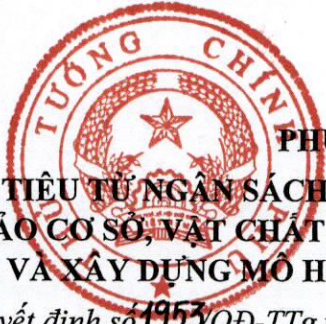
Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TTg, PTTg Hồ Đức Phớc;
- VPCP: BTCN, PCN Mai Thị Thu Vân, Trợ lý TTg;
- Lưu: VT, KTTH (4b).

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Hồ Đức Phớc



PHỤ LỤC

BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TƯ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO NGÂN SÁCH CÁC ĐỊA PHƯƠNG ĐỂ ĐẢM BẢO CƠ SỞ, VẬT CHẤT PHỤC VỤ SẮP XẾP, TỔ CHỨC BỘ MÁY, ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH VÀ XÂY DỰNG MÔ HÌNH CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 02 CẤP

(Kèm theo Quyết định số ~~1953~~ **1953** /QĐ-TTg ngày ~~10~~ **10**/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Địa phương	Kinh phí hỗ trợ cho các địa phương
	TỔNG	3.119.000
1	TUYÊN QUANG	175.500
2	CAO BẰNG	79.500
3	LẠNG SON	91.500
4	LÀO CAI	133.500
5	THÁI NGUYÊN	115.500
6	PHÚ THỌ	199.500
7	SƠN LA	100.500
8	LAI CHÂU	54.000
9	ĐIỆN BIÊN	63.000
10	HÙNG YÊN	93.000
11	BẮC NINH	66.000
12	NINH BÌNH	97.000
13	THANH HÓA	220.500
14	NGHỆ AN	178.500
15	HÀ TĨNH	90.000
16	QUẢNG TRỊ	105.000
17	HUẾ	21.000
18	QUẢNG NGÃI	130.500
19	GIA LAI	165.000
20	ĐẮK LẮK	132.000
21	KHÁNH HÒA	49.000
22	LÂM ĐỒNG	156.000
23	ĐỒNG THÁP	123.000
24	VĨNH LONG	157.500
25	CẦN THƠ	108.000
26	AN GIANG	132.000
27	CÀ MAU	82.500